

Dạy và học tiếng Anh ở Philippines, Malaysia và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

LÊ PHƯƠNG HÒA*

Tóm tắt: Tiếng Anh được đưa vào hệ thống giáo dục của Việt Nam từ rất lâu. Mặc dù có nhiều tiến bộ nhưng trình độ sử dụng Tiếng Anh của người Việt vẫn chỉ ở mức thấp hơn chuẩn trung bình trong khu vực, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Bài viết đi vào nghiên cứu trường hợp hai quốc gia Đông Nam Á có điều kiện phát triển khá tương đồng với Việt Nam nhưng có hai mức độ phát triển tiếng Anh khác nhau. Trong đó, Philippines được xếp hàng thứ 3 Châu Á về năng lực tiếng Anh còn Malaysia vẫn chệch lệch với các chương trình, chính sách nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh của mình. Bài viết cũng nêu một số gợi ý mà Việt Nam có thể học từ kinh nghiệm của các nước để tìm lối đi riêng cho mình.

Từ khóa: ngôn ngữ, tiếng Anh, Philippines, Malaysia.

Nhà nay, tiếng Anh đang trở nên thông dụng và là một trong những nhân tố hàng đầu để thúc đẩy sự hội nhập và phát triển của mỗi quốc gia. Tại Châu Á, Singapore đã rất thành công khi lựa chọn tiếng Anh là một trong 4 ngôn ngữ chính thức. Chính phủ Singapore đã lựa chọn tiếng Anh là ngôn ngữ làm việc, giúp ngăn chặn nảy sinh xung đột sắc tộc, đem lại ưu thế cạnh tranh cho quốc gia. Các quốc gia Châu Á khác cũng rất coi trọng tiếng Anh nhưng việc lựa chọn con đường nào, chính sách nào để mang lại thành công là không giống nhau. Ngày 30/10/2018, tổ chức Education First (EF) vừa công bố bảng xếp hạng chỉ số thông thạo tiếng Anh toàn cầu (EPI). EPI của hai

quốc gia Philippines và Malaysia thuộc mức độ cao, lần lượt đứng thứ 14 và 22 trên bảng xếp hạng 88 nước⁽¹⁾. Trong đó, trình độ tiếng Anh của người Philippines được xếp ở mức độ cao và tiếng Anh đang trở thành một trong những công cụ kiếm tiền của Philippines khi tạo ra được một làn sóng du học từ châu Á sang Philippines để học các khóa tiếng Anh ngắn hạn, thậm chí là học các chương trình dài hạn bằng tiếng Anh. Những bài học kinh nghiệm về dạy và học tiếng Anh của Philippines và Malaysia rất đáng cho chúng ta học hỏi.

1. Kinh nghiệm từ Philippines

Ở Philippines, tiếng Anh được sử dụng làm ngôn ngữ giảng dạy chính thức cho

* TS. Lê Phương Hòa, Viện nghiên cứu Đông Nam Á

tất cả các môn học từ tiểu học cho đến đại học, cao học, tiến sĩ. Tốt nghiệp đại học, cao học, tiến sĩ, sinh viên đều bắt buộc phải viết và bảo vệ luận văn bằng tiếng Anh. Trong gia đình, cộng đồng hay ngoài xã hội, tiếng Anh được sử dụng một cách phổ biến.

Ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh trong cuộc sống toàn cầu, các bậc cha mẹ người Philippines dạy con nói tiếng Anh từ khi còn rất nhỏ. Chính vì thế nhiều đứa trẻ Philippines nói được tiếng Anh trước khi chúng đi học lớp 1. Các hoạt động giải trí, nói với nhau bằng tiếng Anh trong gia đình phổ biến. Đến trước khi vào học tiểu học, phần lớn trẻ em Philippines đã có đủ vốn từ vựng cơ bản về thế giới xung quanh, các câu hỏi giao tiếp đơn giản, các cách chia động từ, các tính từ cơ bản...

Người Philippines luôn coi việc hiểu và nói được tiếng Anh như một điều tối thiểu, ai cũng phải làm được. Điều đó càng tạo động lực để người người, nhà nhà ai cũng học tiếng Anh. Có một thực tế cho thấy, khoảng 36% trẻ em dưới 18 tuổi bị thiếu thốn lương thực, chỗ ở, các dịch vụ y tế và giáo dục⁽²⁾, nhưng nước này giỏi tiếng Anh thứ ba châu Á, hơn hẳn Việt Nam hay Nhật Bản, Hàn Quốc. Rất nhiều người Philippines chưa từng bước chân ra ngoài biên giới nhưng vẫn rất thành thạo tiếng Anh.

Không chỉ sử dụng tốt tiếng Anh, người Philippines đã biến tiếng Anh thành công cụ kiếm tiền khi thu hút nhiều người học, đặc biệt là từ Châu Á sang Philippines học tiếng Anh cũng như đại học hệ Anh ngữ. Philippines cũng là nước xuất khẩu lao động có trình độ tiếng Anh cao nhất khu vực nên rất được ưa chuộng, trong đó giáo viên tiếng Anh của Philippines được đánh giá cao nhất châu Á về trình độ và phát

âm chuẩn.

Kết quả môn tiếng Anh ở Philippines không phải có được hoàn toàn nhờ hệ thống giáo dục. Ở Nhật Bản, nhằm cải thiện trình độ tiếng Anh, nước này cố gắng đưa chương trình dạy vào cấp bậc tiểu học. Trong khi đó, ở Philippines, có tới 27,8% trẻ ở độ tuổi đến trường chưa bao giờ đi học tiểu học, hoặc đi học nhưng không không tốt nghiệp. Ngay cả ở Việt Nam, việc học tiếng Anh đã được phổ cập từ rất sớm, thậm chí ở các lớp mẫu giáo cũng có lớp học thêm tiếng Anh. Tuy nhiên vẫn có rất nhiều trường hợp học tiếng Anh 10 năm nhưng vẫn không thể giao tiếp được.

Tại Philippines, các trường đại học nổi tiếng nhóm đầu của cả nước đều đào tạo sinh viên bằng tiếng Anh. Do đó, sinh viên không chỉ có thể giao tiếp tốt mà còn được chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho môi trường công việc với tiếng Anh là ngôn ngữ chính. Vì vậy, cơ hội cho sinh viên Philippines cũng cao hơn khi họ có thể tới và làm việc tại các thị trường khó tính như Singapore hay Mỹ.

Có lẽ các quốc gia trong khu vực châu Á nên nhìn nhận lại việc giáo dục tiếng Anh tại nước mình nếu thực sự muốn có những tiến bộ rõ rệt và vượt tầm thế giới, chứ không chỉ gói gọn trong sân chơi khu vực. Bài học thành công từ Philippines có thể đúc rút ra ở một số điểm như sau:

Thứ nhất, Philippines đã nhận ra tầm quan trọng của việc duy trì tiếng Anh - ngôn ngữ mà quốc gia này bắt buộc phải sử dụng khi bị Mỹ đô hộ giai đoạn 1898-1946 và quyết định gìn giữ và phát triển tiếng Anh như ngôn ngữ thứ 2. Trong khi đó, nhiều nước như Nhật Bản và Malaysia sau khi kết thúc chiến tranh đã không tận dụng lợi thế ngôn ngữ này và không tiếp tục phát triển.

Thứ hai, người Philippines coi tiếng Anh là một phương tiện để giao tiếp chứ không phải là một môn học. Trong khi đó, ở nhiều nước, việc học tiếng Anh chỉ như một môn học và học sinh chỉ học đối phó trên lớp. Điều mà vẫn đã và đang diễn ra ở các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc hay Việt Nam, những nước mà tiếng Anh chỉ được xem như một môn học, một công cụ trợ giúp ngôn ngữ. Mặc dù số lượng trường ngoại ngữ ở những nước này cộng với sự quan tâm học tiếng Anh là không hề ít, những nước châu Á này vẫn giữ vị trí cuối trong bảng xếp hạng năng lực tiếng Anh.

Sự thành công trong phát triển ngôn ngữ tiếng Anh ở Philippines chủ yếu dựa vào cách tiếp cận tiếng Anh hơn là phương pháp dạy tiếng Anh. Người dân Philippines ngoài được học tiếng Anh ở trường ra, họ còn được tiếp cận một công cụ cần thiết để học tiếng Anh chính là cơ hội sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học. Tiếng Anh không chỉ được dạy ở trường, mà phần đông dân chúng nhìn thấy được sự cần thiết phải biết tiếng Anh bên ngoài lớp học. Họ sử dụng tiếng Anh thường xuyên, mọi lúc, mọi nơi. Chính vì thế mà họ đã tạo ra được một môi trường nói tiếng Anh cho chính mình. Khi đã quen dần, thì họ tạo lập được phản xạ nói tiếng Anh tự nhiên, không phải suy nghĩ nhiều về việc phải nói cái gì, nói như thế nào. Với người dân Philippines, tiếng Anh dùng để giao tiếp. Mọi người được học tiếng Anh trong các trường học, ngoài ra họ còn được giao tiếp ngay sau những giờ học, bên ngoài trường học. Bên cạnh đó, trong đời sống sinh hoạt gia đình, giữa bậc cha mẹ và con cái, anh chị em giao tiếp với nhau không chỉ bằng ngôn ngữ mẹ đẻ, mà họ còn xen vào một vài câu tiếng Anh khi nói chuyện với nhau. Các trường đại học ở Philippines sử dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong giảng

dạy sinh viên, điều đó không chỉ giúp sinh viên nâng cao trình độ tiếng Anh của mình mà còn giúp họ chuẩn bị vốn ngoại ngữ khá cần thiết cho công việc của họ trong tương lai. Điều đó tạo cho sinh viên một nền tảng tốt về ngoại ngữ, và giúp ích rất nhiều cho sinh viên trong công việc, ngành nghề của mình.

Vì vậy, để có thể lưu loát tiếng Anh nhanh chóng như người Philippines, các nước trong khu vực Châu Á, đặc biệt là Việt Nam cần phải học hỏi nhiều về trình độ tiếng Anh không chỉ ở Philippines mà một số cường quốc lớn khác trong khu vực và trên thế giới để có thể kịp sánh vai với sự phát triển của các nước bạn, mở ra nhiều cơ hội cho bản thân và đất nước.

2. Kinh nghiệm từ Malaysia

Ở Malaysia, tiếng Anh là một phần di sản của thời kì thuộc địa và có những sự thăng trầm trong các chính sách phát triển ngôn ngữ gắn liền với chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa tự do. Tuy nhiên, các nhà làm chính sách đều thừa nhận rằng khó lòng phát triển nếu không có tiếng Anh, và hơn nữa, tiếng Anh được sử dụng như công cụ trung gian cân bằng, kết nối ngôn ngữ sắc tộc giữa người Hoa, người Ấn và người Mã Lai. Với người Mã Lai, họ vừa muốn thành thạo ngôn ngữ này để có thể hưởng được những lợi ích mà nó mang lại, mặt khác tiếng Anh lại bị coi là mối đe dọa cho ngôn ngữ quốc gia và suy rộng ra là văn hoá Malay. Thái độ đầy mâu thuẫn này đã và đang gây ra nhiều vấn đề ảnh hưởng tới việc dạy tiếng Anh. Việc đề cao, phổ biến, phát triển ngôn ngữ quốc gia đã làm cho trình độ của học sinh, sinh viên Malaysia bị kém hẳn so với trước đây. Nguyên thủ tướng Malaysia Mahathir Mohamad đã nhận ra rằng, nếu sự yếu kém tiếng Anh

của người Malaysia không chấm dứt, vị thế của Malaysia là một quốc gia thương mại lớn trong khu vực sẽ bị ảnh hưởng. Vì vậy, ông đã đưa ra một quyết định táo bạo, điều chỉnh chính sách ngôn ngữ trong hệ thống giáo dục. Kể từ năm 2003, các trường phổ thông phải dạy các môn khoa học và toán học bằng tiếng Anh. Đối với các trường đại học, kế hoạch chuyển đổi này bắt đầu từ đầu năm 2005 đối với các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin và các khoa như dược, công trình, kiến trúc ... Tuy nhiên do sự thiếu chuẩn bị, biện pháp này chưa đạt được thành công lớn. Vì vậy, Malaysia đã sửa đổi chương trình để giúp học sinh học tiếng Anh dần dần. Như vậy, chính sách ngôn ngữ cũng có thể thay đổi tùy theo chiến lược quốc gia trước các yêu cầu của xã hội nhằm đạt tới những hiệu quả của việc sử dụng ngôn ngữ trong từng giai đoạn phát triển cụ thể.

Đề án cải cách việc dạy và học tiếng Anh 2015-2025 của Malaysia⁽³⁾ đặt ra mục tiêu người Malaysia phải là những người sử dụng tiếng Anh tốt nhất trong khu vực, Malaysia đang có kế hoạch nhờ nước Anh (Cambridge English) giúp bồi dưỡng giáo viên để phấn đấu đạt 100% giáo viên tiếng Anh đạt trình độ C2 theo khung CEFR vào năm 2020⁽⁴⁾.

Malaysia chủ trương dạy các môn khoa học bằng tiếng Anh ở bậc phổ thông từ năm 2004 và chủ trương này đã gây ra những ý kiến trái chiều trong xã hội, đặc biệt chủ trương này đã tạo ra sự bất bình đẳng trong xã hội giữa số ít con em nhà giàu gốc Hoa và một ít người Malay được học bằng tiếng Anh với đa số con em gia đình kinh tế khó khăn. Vì vậy, chủ trương giảng dạy các môn toán và khoa học bằng tiếng Anh ở Malaysia luôn thay đổi theo thời tiết chính trị của quốc gia này.

Malaysia tỏ ra khá lúng túng với việc dạy tiếng Anh. Họ đã giảng dạy hai môn toán và khoa học ở các trường phổ thông bằng tiếng Anh trong bảy năm qua, nhưng lại dự tính quay về giảng dạy bằng tiếng Malay như trước năm 2012, là vì những học sinh người Bumi ở vùng sâu, vùng xa không theo nổi những lớp toán và khoa học được dạy bằng tiếng Anh như vậy, và chính sách ưu tiên sắc tộc của Malaysia khiến họ cho rằng điều này tạo ra bất bình đẳng bất lợi cho người Bumi.

Ở cấp đại học, sinh viên Malaysia vẫn còn gặp khó khăn trong việc tiếp thu bài học bằng tiếng Anh. Theo mong đợi thì khi sinh viên Malaysia chuyển tiếp từ trường trung học sang đại học, họ sẽ có khả năng đọc viết để đáp ứng nhu cầu học tập tại trường đại học. Tuy nhiên, một số nghiên cứu đã cho thấy sinh viên gặp khó khăn trong việc chuyển từ văn hóa phổ thông sang văn hóa đại học. Điều này cản trở sự tiếp thu bài giảng của sinh viên. Kinh nghiệm Malaysia cho chúng ta thấy việc thực hiện giảng dạy các môn chuyên ngành trong trường đại học bằng ngoại ngữ cần có quá trình chuẩn bị lâu dài cho học sinh từ phổ thông, và cần được thực hiện từng bước.

Trong một nghiên cứu liên quan đến người học bằng ngôn ngữ tiếng Anh bậc giáo dục đại học⁽⁵⁾, phần lớn người học được phỏng vấn báo cáo rằng họ rất lo lắng khi nói tiếng Anh và họ gặp khó khăn lớn để diễn đạt bằng tiếng Anh. Người trả lời cũng nêu việc sử dụng tiếng Anh bị giới hạn trong một số tình huống nhất định như khi họ phải trình bày hoặc soạn thảo văn bản bằng tiếng Anh, nhưng vào những lúc khác, họ sử dụng tiếng Bahasa Malaysia. Nhiều ý kiến cho rằng cách dạy theo kiểu truyền đạt và kiểm tra liên tục khiến sinh viên chịu áp lực trả bài hơn là

hứng thú với môn học, do đó hiệu quả học ngoại ngữ cũng giảm sút. Nhiều chuyên gia ngôn ngữ đã khuyến cáo cần có sự thay đổi cách học truyền thống sang học thực hành để thúc đẩy việc học tốt hơn trong số các sinh viên. Việc quá coi trọng biết đọc và biết viết cũng dẫn đến những hạn chế của sinh viên trong việc sử dụng tiếng Anh như một công cụ của giao tiếp.

Một số vấn đề của người học tiếng Anh hiện nay ở Malaysia⁽⁶⁾ được chỉ ra như sau:

- Tiếng Anh được xem là một chủ đề khó học, một môn học khó vượt qua.
- Học viên phụ thuộc vào giáo viên tiếng Anh. Tiếng Anh chỉ được sử dụng để trả lời các câu hỏi của giáo viên và nói trong lớp học tiếng Anh.
- Học viên có xu hướng phụ thuộc rất nhiều vào việc sử dụng bản dịch và từ điển để tìm ý nghĩa.
- Thiếu sự hỗ trợ để sử dụng tiếng Anh trong gia đình và cộng đồng.
- Học viên có vốn từ vựng hạn chế khi sử dụng tiếng Anh.
- Học viên thể hiện sự không sẵn sàng và thiếu động cơ để học Tiếng Anh vì họ không thấy nhu cầu trước mắt để sử dụng ngôn ngữ.
- Người học không có cơ hội sử dụng tiếng Anh bên ngoài các phòng học.
- Tiếng Anh không được coi là một phương tiện quan trọng cho giao tiếp khi họ sử dụng Bahasa Malaysia cho cả học tập và tương tác cá nhân.
- Học viên thể hiện sự không sẵn sàng và lo lắng cao khi sử dụng tiếng Anh giao tiếp mặc dù thừa nhận rằng tiếng Anh là quan trọng cho tương lai của họ.
- Có sự không phù hợp giữa chính sách và thực tiễn trong Chương trình đào tạo

của Malaysia; chương trình giảng dạy theo yêu cầu không được thực hiện đầy đủ trong các trường học vì mối quan tâm quá mức đến các bài kiểm tra.

Bên cạnh đó, vấn đề người dạy, chất lượng dạy của giảng viên cũng là rào cản trong việc nâng cao khả năng tiếng Anh của người Malaysia. Theo báo cáo của Bộ Giáo dục Malaysia, trong số 40.000 giáo viên tiếng Anh của quốc gia này có 52% đạt trình độ C1 theo Khung CEFR, số còn lại (48%) đạt trình độ B2⁽⁷⁾.

Chính sách ngôn ngữ của Malaysia đã trải qua những bước thăng trầm và cũng đã trải qua nhiều giai đoạn đổi mới để thích ứng với sự phát triển của xã hội. Cho dù sau năm 2003, tiếng Anh được đưa vào làm ngôn ngữ giảng dạy cùng với ngôn ngữ quốc gia thì tiếng Melay – ngôn ngữ quốc gia vẫn tiếp tục có vai trò tích cực trong việc phổ biến kiến thức và là phương tiện thống nhất quốc gia. Việt Nam đã lựa chọn cho mình một chính sách ngôn ngữ đúng đắn, lấy ngôn ngữ dân tộc - tiếng Việt làm ngôn ngữ giáo dục, hành chính, văn hoá .. mà nhiều nước trong khu vực phải xem xét. Tuy nhiên, song song với quá trình đề cao tiếng dân tộc cũng không được xem nhẹ tiếng Anh và các ngoại ngữ khác. Thực tiễn của các quốc gia trong khu vực, đặc biệt là Malaysia và Singapore cũng là những kinh nghiệm quý báu mà Việt Nam cần phải xem xét trong quá trình thực thi chính sách ngôn ngữ, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục⁽⁸⁾.

3. Bài học cho Việt Nam

Có thể nói trong những năm gần đây, các nước châu Á rất tích cực thúc đẩy việc dạy và học tiếng Anh với nhiều chủ trương mới. Tuy nhiên, phần lớn đều chưa thực sự thành công kể cả việc áp dụng Khung

tham chiếu (CEFR) châu Âu để đổi mới việc xây dựng chương trình và phương pháp đánh giá.

Việc đặt ra những mục tiêu học tiếng Anh quá cao, không dựa trên những chứng cứ khoa học sẽ chỉ mang tính chính trị và lãng phí nguồn lực. Điều này đã được minh chứng qua đề án Ngoại ngữ 2020 của Việt Nam.

Ở các nước châu Á, do thiếu môi trường ngôn ngữ cần thiết nên người học không có nhu cầu trước mắt phải có kỹ năng sử dụng tiếng Anh. Vì thế, động lực và sự đầu tư cho việc học không cao. Trước tiên phải tạo được động lực và hứng thú cũng như thái độ tích cực của người học đối với tiếng Anh. Đây là một thách thức không nhỏ.

Việc quá coi trọng chuẩn mực phương Tây với mong muốn nói tiếng Anh bản ngữ đã dẫn đến sự tự ti của người học và cả người dạy trong thực hành ngôn ngữ. Các học giả phương Tây luôn tuyên truyền cho các nước châu Á những phương pháp giảng dạy của họ, nhưng theo thống kê thì chất lượng học ngoại ngữ ở các nước phương Tây cũng không hơn gì chất lượng dạy tiếng Anh ở các nước châu Á. Do vậy, các nước châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng cần phải biết cách phát triển ngôn ngữ tiếng Anh phù hợp với đặc điểm người học và văn hóa bản địa.

Từ những kinh nghiệm của các nước châu Á, Việt Nam cần thay đổi tư duy áp đặt, đề ra những chủ trương và mục tiêu dạy tiếng Anh phù hợp. Tiếng Anh đã là ngôn ngữ toàn cầu và mục tiêu học tiếng Anh là để có được công cụ hội nhập. Hiện nay xu hướng cổ xúy tiếng Anh của người bản ngữ cần xem xét một cách nghiêm túc. Phát biểu của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: "Dạy và học ngoại ngữ mà không chuẩn thì thà không dạy còn hơn. Vì các

em học sai từ nhỏ thì sau này rất khó sửa. Không phải cứ tốt nghiệp đại học sư phạm ngoại ngữ là dạy được ngoại ngữ, vì phải chuẩn và có kỹ năng"⁽⁹⁾ cần được xem xét lại vì nó liên quan sâu sắc đến cách tiếp cận, phương pháp dạy học, giáo viên... Trên thế giới có nhiều nơi nói tiếng Anh, vậy tiếng Anh đâu là chuẩn, ngay của ở Anh cũng có tiếng Anh vùng miền nên cần xem xét lại quan điểm tiếng Anh chuẩn, phát âm chuẩn hiện nay..

Nói chung, việc học một ngôn ngữ thứ hai đòi hỏi nhiều yếu tố bao gồm ý chí chính trị của lãnh đạo đất nước, chiến lược quốc gia, cách tiếp cận rồi mới đến các phương pháp dạy và học. Việc xem tiếng Anh như một môn học ở trường có thể giúp nâng cao năng lực tiếng Anh cho một bộ phận học sinh khá, giỏi nhưng là chưa đủ để phát triển rộng rãi. Việt Nam muốn cải thiện trình độ tiếng Anh, ngoài việc lĩnh hội kiến thức được dạy, chúng ta còn phải am hiểu về văn hóa, sinh hoạt, truyền thống của họ, cách sử dụng ngôn từ còn xuất phát từ nền văn hóa mà con người tiếp xúc cũng như phương pháp mà người Philippines đã ứng dụng với đất nước của mình.

Việt Nam cần đặt lại vị trí của tiếng Anh ở góc độ ngôn ngữ mà trong đó dạy và học là hoạt động chính phát triển ngôn ngữ chứ không phải là hoạt động duy nhất. Phát triển ngôn ngữ cần sự tham gia của nhiều bên chứ không phải chỉ của riêng ngành giáo dục, đó là sự phối hợp tổng thể của nhiều ngành trên cơ sở nhu cầu của xã hội về sử dụng ngôn ngữ. Thành công trong việc học tiếng Anh của Philippines là nhờ phương pháp học chứ không phải chỉ là nhờ phương pháp dạy. Do vậy, trong dạy và học tiếng Anh nên theo hướng để người dạy hướng dẫn, người học chủ động tiếp thu, hướng người học tới

mục tiêu sử dụng không chỉ là ngôn ngữ mà là thực hành theo ngữ cảnh. Khi đó tiếng Anh mới thực sự trở thành công cụ hữu ích cho phát triển./.

CHÚ THÍCH

1. <http://www.ef.com> truy cập 30/10/2018
2. Bộ lao động thương binh và xã hội, <http://www.molisa.gov.vn/vi/Pages/chitiet-tin.aspx?IDNews=21913>
3. The Malaysia Education Blueprint 2013-2025
4. The Sun Daily, 30/08/2016
5. Normazidah Che Musa, Koo Yew Lie, Hazita Azman (2012), *Exploring English Language Learning And Teaching In Malaysia*, GEMA Online™ Journal of Language Studies Volume 12(1), Special Section, January 2012
6. Normazidah Che Musa . đã dẫn
7. Nguyễn Thị Vân (2009), *Tiếng Anh ở Malaysia và mối quan hệ với ngôn ngữ quốc gia*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 11/2009
8. Nguyễn Thị Vân, đã dẫn
9. Sài Gòn Giải phóng Online ngày 17/9/2016, <http://www.sggp.org.vn/day-ngoai-ngu-khong-chuan-tha-khong-day-con-hon-145950.html>
3. E. Low & A. Hashim (eds.), *English in Southeast Asia: Features, policy and language in use* (pp. 155-174). Amsterdam, The NetherlandsL John Benjamins Publishing Co.
4. Grace Shangkuan Koo (2008), *English Language in Philippine Education: Themes and Variations in Policy, Practice, Pedagogy and Research*, Asia - Pacific Journal of Research in Early Childhood Education, 2008, Vol 2 No 1
5. Lê Văn Canh, Nguyễn Thị Ngọc (2017), *Đề án ngoại ngữ quốc gia 2020 có thể học được gì từ kinh nghiệm Châu Á?* Tạp chí Nghiên cứu Nước ngoài, Tập 33, Số 4 (2017) 10-23
6. Nguyễn Thị Vân (2009), *Tiếng Anh ở Malaysia và mối quan hệ với ngôn ngữ quốc gia*, Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 11/2009
7. Normazidah Che Musa, Koo Yew Lie, Hazita Azman (2012), *Exploring English Language Learning And Teaching In Malaysia*, GEMA Online™ Journal of Language Studies Volume 12(1), Special Section, January 2012
8. QĐ 1400/QĐ-TTg ngày 30/09/2008 quyết định về việc phê duyệt Đề án: Day và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân 2008-2020"
9. Quyết định Số: 2080/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025 ngày 22 tháng 12 năm 2017.
10. Sun Star Pampanga(2017), English as a second language in the Philippine education system, 26/5/2017, <https://www.press-reader.com/philippines/sunstar-pampanga/20170326/281715499445830>
11. Wendy Hiew (2012), *English language teaching and learning issues in Malaysia: learners' perceptions via facebook dialogue journal*, Centre for the Promotion of Knowledge and Language Learning, Universiti Malaysia Sabah, Malaysia Journal of Arts, Science & Commerce, International Refereed Research Journal, www.researchersworld.com, Vol.- III, Issue -1, Jan. 2012 [11] E-ISSN 2229-4686 ISSN 2231-4172.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảng xếp hạng các quốc gia trên thế giới được đăng tải tại www.ef.com.vn/epi
2. Barnard, R., & McLellan, J. (Eds.) (2013). *Codeswitching in university English-medium classes: Asian perspectives*. Bristol, UK: Multilingual Matters
- Omar, A. H. (2012). Pragmatics of maintaining English in Malaysia's education system.